TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Văn bia tượng hậu chùa Di Lặc xã Đông Anh, Hà Nội

ISSN: 2734-9195 09:05 10/09/2026

Hệ thống bia tượng Hậu tại chùa Di Lặc là nguồn tư liệu Hán Nôm có giá trị, phản ánh khá sinh động đời sống Phật giáo, văn hóa và xã hội làng xã Việt Nam cuối thế kỷ XVII.

Tác giả: **Thích Thanh Phương**

Trụ trì Chùa Di Lặc

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Tóm tắt: Văn bia tượng Hậu chùa Di Lặc còn gọi là (Vân Hoạch tự) tọa lại tại thôn Xuân Canh, xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Chùa hiện còn lưu giữ được nhiều văn bia từ thời Lê đến thời Nguyễn. Trong số đó có 7 bia tạc tượng Hậu Phật. Tất cả đều có niên đại tạo dựng từ thời Lê niên hiệu Chính Hòa. Những phù điêu tượng Hậu được nhân dân bầu làm Hậu Phật vì những đóng góp công đức to lớn cho việc xây dựng, trùng tu tôn tạo chùa. Được nhà chùa làm giỗ hàng năm và tạc tượng khắc bia, lưu truyền muôn đời. Các tấm bia được khắc 2 mặt, một mặt tạc tượng Hậu, mặt sau khắc minh văn.

Từ khóa: chùa Di Lặc; tượng Hậu, bầu Hậu, Vân Hoạch tự, Xuân Canh

1. Vài nét về bia tượng Hậu Phật

Nghiên cứu về bia Hậu đến nay đã có rất nhiều bài viết, công trình nghiên cứu tạp chí, sách đã xuất bản. Khái niệm Hậu Phật cũng đã được nghiên cứu nhiều. Theo Trần Trọng Dương *"Bia tượng Hậu là một loại thuộc bia tạo tượng □ □□ , là loại bia khắc tượng ngôi Hậu, cùng với minh văn (biên bản thoả thuận của cộng đồng hoặc bài văn trần thuật sự việc cung tiến và bầu hậu, kê khai ruộng tế và các khoản cung tiến cùng ngày giỗ của ngôi Hậu)".* Bia Hậu có một số nhóm chính: bia Hậu (dạng phổ thông, từ một mặt đến bốn mặt, chỉ có văn tự), bia bài vị Hậu (bia khắc nội dung minh văn và bài vị đề thần chủ của người được

bầu Hậu) và bia tượng Hậu (là loại bia tạo tượng có khắc minh văn và tượng phù điêu), cuối cùng có thể kể đến loại tượng tròn khắc ngôi Hậu (có thể đi kèm bia Hậu, hoặc minh văn khắc trực tiếp trên tượng) (1).

Bia tượng Hậu ở nhiều chùa có cấu trúc (phía trước là hình tượng Hậu, phía sau/mặt bia sau là minh văn, nhiều bia vì không đủ chỗ khắc chữ còn được tận dụng hai mặt cạnh bia để khắc) là loại văn bia khá phổ biến trong văn hóa thờ Hậu. Đặc điểm của nhóm này là tượng chân dung ngôi Hậu khắc ở mặt trước, còn minh văn khắc chen cùng tượng, hoặc diềm bia, hoặc ở mặt sau. Giống như bài vị, thì tượng Hậu đại diện cho người đã khuất, đó là hình ảnh thiêng liêng đã được vật chất hóa để thể hiện trạng thái "như tại" trong không gian thiêng.

Theo tác giả Bùi Quốc Linh: *"Bia Hậu - Phù điêu tượng là văn bia có nội dung thờ Hậu nhưng được khắc kèm tượng hoặc phù điêu của đối tượng được thụ hưởng báo đáp"* (2).

Tác giả Nguyễn Phạm Bằng cho rằng: *"Về cơ bản bia tượng Hậu khác bia Hậu thông thường ở chỗ: bia Hậu thông thường chỉ có nội dung minh văn, bia tượng Hậu có tạc tượng Hậu và có thể có minh văn đi kèm".* (3)

Trần Trọng Dương cho rằng: Tượng Hậu: là loại tượng tròn được làm từ các vật liệu như đá, gỗ, đất (4).

Theo Philippe Papin *"có một cách khác để nâng cao thông điệp được truyền tải, đó là khắc tượng của những người cung tiến hoặc những người nhận Hậu lên đó"* (5).

Khảo sát các bia hiện còn bảo quản tại nhà bia chùa Di Lặc, chúng tôi nhận thấy có 2 loại bia tượng Hậu. Loại thứ nhất là tượng trong ngồi trên bệ đá, phía sau lưng tượng có khắc minh văn là tên của người được tạo tượng. Loại này có 2 tượng là vợ chồng được dân làng và nhà chùa tôn làm Hậu Phật. Loại thứ hai là bia tượng Hậu có tạc tượng Hậu và có minh văn đi kèm, loại này có riềm bia, trán bia, đế bia đầy đủ. Lại có phần đầu nêu lý do về việc dựng bia tạc tượng Hậu, phía sau lại ghi số thửa ruộng công đức.

2. Bia tượng Hậu tại chùa Di Lặc

Bia tượng số 1

Kích thước: Cao: 75cm, dày: 36cm, rộng: 52cm

Tượng tạo bằng chất liệu đá, tư thế ngồi kiết già, hai tay đan vào nhau. Phía sau lưng tượng có minh văn ghi tên người được làm ngôi Hậu. Tượng này là tượng

ông Phạm quý công tự Phúc Minh, trước là Nho sinh và kiêm chức Xã trưởng. Ông được bầu làm Hậu Phật và được tạc tượng thờ ở trong chùa.

Mặt sau tượng Hậu có khắc dòng chữ: □□□□□□□□□ , □□□□□□□□ Tiền Nho sinh kiêm Xã trưởng làm Hậu Phật

Tượng của ông họ Phạm tên tự là Phúc Minh

Bia tượng số 2

Kích thước: Cao: 70cm, dày: 33cm, rộng: 49cm

Tượng tạo bằng chất liệu đá, tư thế ngồi kiết già, hai tay đan vào nhau. Phía sau lưng tượng có minh văn ghi tên người được làm ngôi Hậu. Tượng này là tượng của bà họ Vũ hiệu Từ Diệu, vợ của ông tự Phúc Minh, bà được bầu làm Hậu Phật và được tạc tượng thờ ở trong chùa.

Mặt sau có khắc dòng chữ Hán Tỷ Vũ Thị hiệu Từ Diệu vi Hậu Phật:

□□□□□□□□□□

Vợ là bà họ Vũ hiệu Từ Diệu làm Hậu Phật

Hai tượng Hậu trên đây là vợ chồng được nhà chùa tạc tượng và cùng được thờ trong chùa.

Bia tượng số 3

Kích thước: Cao: 68cm Dày: 14cm Rộng: 44cm

Bia khắc 2 mặt, mặt trước là phù điêu tượng Hậu bà họ Lê, phía trên trán bia là phù điêu khắc tượng Phật. Tượng Hậu cũng được điêu khắc ngồi tư thế kiết già, y áo mềm mại.

Bà thấy tổng Vân Hoạch vốn là quê cũ, chùa chiền lâu năm rường cột nghiêng đổ. Vì thế không tiếc của nhà, đem lòng từ bi mà giúp đỡ, góp 100 quan tiền, thêm 5 quan tiền sai dùng, giao cho xã tu sửa Phật đường, lại cúng 5 sào ruộng. Vì thế dân xã cùng tôn bà Lê làm Hậu Phật, định lệ phụng thờ hương hỏa chùa Di Lặc.

彌陀佛
寺像碑記
南無阿
彌勒報恩

弥勒寺像

南無阿彌陀佛

報恩碑記

Di Lặc Tự Tượng

Báo Ân Bi Kí

Nam Vô A Di Đà Phật

□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□ ,□□□ , □□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□ [][□]□□ , [□]□□□□□□ □□□□□□□ [□]
□□□□□□□□□□□ [□][][]□□□ , □□□□□□□□□□□□□□
□□□□□□□□□□□ [][]□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□ [□]□,
□□ [□] □□ []□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□ []
□□□□□□□□□ □□□□□□□ []□□□□□□□□□□□□ []
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ [□]□□□□□□□□ []
□□□□□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□□□ [□]□
□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□ [□]□□□□ , □□□□□ [□]
□□□ [□]□ [][]□□ [][]□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□ []
□□□□□□□□ []□□□□□ □□□□□□□□□□□□□□□□ [□]□□□ □□□□
[]□□□□□□□□□□□□□□□□ □□□□□□□ [□][□]□ []□ []□□□□□□ [□]
□□ [□]□□□□□□□ [][]□□□□□□□ □ [□]□□□□□□□□□□□□□□ [][□]
□ □□□

□

□□□□□□□ []□□□□ []□ , □ □ □ □ □□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

Tạm dịch:

Bia ghi Hậu Phật

Thường nghe rằng: làm điều thiện thì phúc tụ, tích đức thì điềm lành đến xưa nay vẫn nói như vậy.

Nay xã Lực Canh, huyện Đông Ngạn, thôn Quán có Hương trưởng kiêm Hậu Phật là ông Đỗ Công Nghiêm, tự Phúc Cảnh, đạo hiệu Huyền Thành, vợ là Lê Thị [], hiệu Từ Thuận. Tư chất thuần hậu điềm hòa, lại có đức nhún nhường; lấy việc gây dựng nhân đức làm gốc, mong phúc lành đến với gia đình; vun bồi nền đức cao dày, [] []. Không đem việc coi của cải là đủ, chỉ lấy việc tạo quả lành làm vui. Nay thấy tổng Vân Hoạch vốn là quê cũ []; chùa chiền lâu năm rường cột nghiêng đổ. Vì thế không tiếc của nhà, đem lòng từ bi mà giúp đỡ, xuất 100 quan tiền, thêm 5 quan tiền sai dùng, giao cho xã tu sửa Phật đường, lại cúng 5 sào ruộng []. Người có tấm lòng như vậy quả thật là lòng công chính của bậc quân tử. Bản xã ai nấy đều kính mộ đức và tài ấy, cùng nói rằng: Làng có phong tục nhân hậu như thế thật là điều tốt đẹp. Đức của người ấy thật lớn, nên phải lấy đức để báo đức; công của người ấy thật sâu, nên phải lấy công để báo công. Vì thế dân xã cùng tôn bà Lê Thị [] [ ] làm Hậu Phật, định lệ phụng thờ hương hỏa chùa Di Lặc ngày đêm. Đến ngày giỗ, toàn xã đều làm lễ cúng phụng, để

công đức ấy truyền mãi không cùng, danh thơm còn mãi. Vì vậy ghi việc, khắc đá chép công, để khuyên người sau.

Người đời sau sinh ra ở làng này nên noi theo đức và lòng của người trước, chớ vì tấm bia nhỏ mà coi nhẹ đức ấy, chớ để chữ khắc mờ mà che lấp công lao. Hãy nhớ công của Thiệu Bá [] để công đức này được lâu dài như sông biển.

Tài sản cúng: 5 sào ruộng. Lễ kỵ: 1 con lợn, 1 vò rượu

Bia lập vào ngày lành mùa hạ năm Kỷ Mão niên hiệu Chính Hòa 20 (1699)

Bia tượng số 4 (6)

Kích thước: Cao: 91cm, Dày: 15cm, Rộng: 78cm

Bia được khắc 2 mặt, mặt trước khắc hình hai tượng Hậu là Hậu Phật Trịnh Quý công tự Phúc Khang, Hậu Phật bà họ Nguyễn hiệu Từ Kính. Hai ông bà có công đức xây dựng chùa và được bầu Hậu Phật, được nhà chùa làm giỗ hàng năm.

Mặt trước:

南無阿彌陀 [ ]

阿彌陀佛真金色

奉事後佛　[]

Nam Vô A Di Đà [Phật]

Phụng sự hậu phật [bia ký]

A di đà phật chân kim sắc (7)

Mặt sau:

[]禅寺後佛碑記

當進　[]　德难以形容因書于　[石永為　]萬世寶云　：[][][][]　[積　]善善逢　雲鄉雄健　勒寺感通
所求果遂　[所　]懇必從　睹茲鄭阮

實令娘公

菩提願　[受　]教法增崇　欲求陽德　多積陰功

財而構作　田以敬恭　鄉村愛慕　大小推宗

百年于後　萬世與同　佛福錫始　天廚食終

慶為男壽　祝叶華　[封　]山岳与並　永遠無穷

計

一係遞年忌日炊肆盤金銀壹千酒菓等物　後佛　有使錢壹百五貫

一功德後堂使錢拾貫并铁林肆柱田二所坐　[落　]核推處

一許銀子壹錙　慈山府東岸縣雲穫社

官員鄭光宅村長黎德榮鄭曰貴陶壽考陶壽祿　鄭登仕黎千載陶文碧武得財
黎富強陳得名黎曰　富黎公仕阮名世黎德　[業　]上下等　後佛鄭曰貴字　福康妻阮氏元号妙美

於　癸未年三月二十一日修里內寺買各役使钱　十五買九陌

一田一所貳高半在　?府處以為米　?至忌日懺　悔佛前

皇朝萬萬年之貳拾歲次己卯孟春穀日

一後佛全　?長兼知府仕鄭貴公字福康十二月　十五日忌

一後佛阮氏号慈敬五月十八日忌　國子監國子生祇受歷任謹事佐郎丹鳳縣知縣

鄭甫撰

Tạm dịch:

Bài ký bia Hậu Phật chùa [Di Lặc]

… Đương tiến … Đức ấy khó có thể hình dung hết, nên khắc vào đá để mãi làm của báu cho muôn đời.

[Tích] thiện thiện phùng. Vân Hương hùng mạnh, Chùa Lặc cảm thông.

Đã cầu ắt được,

Đã khấn tất xong.

Xét người Nguyễn,

Trịnh, Quý bà quý ông.

Bồ đề nguyện thụ,

Giáo pháp kính sùng.

Muốn cầu dương đức,

Tích nhiều âm công.

Bỏ tiền xây dựng,

Đem ruộng kính cung.

Xóm làng ái mộ,

Lớn nhỏ suy tông.

Trăm năm sau nữa,

Muôn đời chẳng cùng.

Phật phúc đã tích,

Của trời hưởng chung.

Miền nam thọ khánh,

Chúc phúc hoa phong.

Mãi cùng sông núi,

Vĩnh viễn vô cùng.

Các khoản kê:

- Hằng năm đến ngày giỗ, xôi bốn mâm, tiền vàng một nghìn, rượu quả các vật.

Hậu Phật cúng 105 quan sử tiền.

- Công đức làm hậu đường 10 quan sử tiền, lại cúng bốn cột gỗ lim, và hai thửa ruộng tại xứ Cây Si.

- Thêm một dật bạc.

Quan viên Trịnh Quang Trạch, thôn trưởng Lê Đức Vinh, Trịnh Viết Quý, Đào Thọ Khảo, Đào Thọ Lộc, Trịnh Đăng Sĩ, Lê Thiên Tải, Đào Văn Bích, Vũ Đắc Tài, Lê Phú Cường, Trần Đức Danh, Lê Viết Phú, Lê Công Sĩ, Nguyễn Danh Thế, Lê Đức Nghiệp trên dưới (cùng đứng chứng).

Hậu Phật Trịnh Viết Quý tự Phúc Khang, vợ là Nguyễn Thị Nguyên hiệu Diệu Mỹ, vào ngày 21 tháng 3 năm Quý Mùi bỏ ra 15 quan 9 mạch sử tiền để tu sửa trong chùa, lại cúng một thửa ruộng hai sào rưỡi tại Mả Phủ, hoa lợi dùng lo xôi oản, đến giỗ ngày đem sám hối trước án Phật.

Ngày tốt tháng đầu xuân năm Kỷ Mão, Hoàng triều năm 20 (1699).

Xã Vân Hoạch, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn Hậu Phật Trịnh Quý công tự Phúc Khang, giỗ

ngày 15 tháng 12.

Hậu Phật Nguyễn Thị Nguyên hiệu Từ Kính, giỗ ngày 18 tháng 5.

Người soạn: Quốc Tử Giám Quốc Tử Sinh, từng giữ chức Cẩn sự Tá lang Tri huyện huyện Đan Phượng, Trịnh Phủ soạn bia.

Bia tượng số 6:

Kích thước: Cao: 98cm, Dày: 22cm, Rộng: 97cm

Mặt trước: khắc hình hai tượng Hậu ông bà Chánh đội trưởng Duy Nghĩa hầu Nguyễn Quý công tự Phúc Minh thụy Cương Đoán và bà chính thất của ông là Hậu Phật Lê Thị Đan. Ông có công đức xây dựng chùa, và được dân xã trên dưới kính đức trọng hiền, cùng bảo nhau tôn ông làm Hậu Phật, đời đời hương hỏa, để mãi không quên công đức. Lại tôn chính thất của ông là bà Lê Thị Đan làm Hậu Phật phối hưởng. cả hai ông bà đều được tạc tượng khắc bia và thờ ở trong chùa.

奉事後佛碑記

Phụng Sự Hậu Phật Bi Kí

後佛碑記彌勒寺　　竊惟

德以德報必仁償、古聞有其語矣。 茲 ,慈山府 ,東岸縣 ,雲穫社 ,正隊長 [維]義侯阮

貴公字福明謚剛斷。凌凌勁氣，凜凜雄威。

事上則旦旦咸勤，風高騫 [諤]；奉命則辟華婉 上，國重威靈。真為世上之英奇，的是人中之俊傑。况又種福田而懷善果，符惠筏以泛 慈航。切見本寺宇 [棟]頹，瓦椳播蕩，乃不吝私財，用功修葺 [ ]，曰：輕財愛人，居子大 節。於公盖有之矣。以是而觀其心，乃天地之心；以此而窺其量，真河海之量。是其此 心此量，敦不欣 [然]而敬慕之。于是本社上下等敬其德，重其賢，相胥謂曰：公之 [久]若 茲德久，若盍思所以報焉。因共保公為後佛代代香火，永矢弗諼。尤其尊公之正室黎氏 丹為後佛，以配同之祭祀焉。於是公之眾勝裴氏 [?]、阮氏馥、男子阮德榜、女子阮氏粹 等知其厚意，仍以田池各所并其緡錢敬于本社，以為奉祀 [係]。遞年忌晨，其本社上下等 備設礼儀而祭之于寺堂，以表厚德於無窮，垂令名之有永。自是徵文紀事，刻石敘功， 使此功此德等天地同其悠久，與日月共其昭明，顧不韙哉！

一池寺一所在 ?[停]處貳畝 一田寺一所在同 []處 []高 一田寺一所在同 []處叁高 一田寺一 []在 []處叁高 [給]于本寺 [為]米 ？

[][][使][錢][叁]拾貫 後佛正隊長維義侯阮貴公字福明謚剛斷 遞年 [陸日月拾捌日忌]礼 [雞]牢壹隻 ?壹盤酒

一圩

金銀一千後佛正室黎氏丹後日忌 ?一盘酒一圩 皇朝正和萬萬年之二拾歲次己卯孟秋穀日

慈東春 (8) 監生朱訥夫撰 本總 [上]老村 [提]吏阮世功書

Tạm dịch:

Bài ký bia Hậu Phật chùa Di Lặc.

Trộm nghĩ rằng: lấy đức báo đức, ắt được nhân nghĩa đáp đền, xưa nay vốn đã có lời ấy.

Nay có, ông Nguyễn quý công, tự Phúc Minh, thụy Cương Đoán, tước Duy Nghĩa hầu, chức Chánh đội trưởng, người xã Vân Hoạch, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn: Khí chất mạnh mẽ, uy nghi lẫm liệt. Thờ vua thì sớm tối chuyên cần, phong thái cao khiết cương trực; nhận mệnh thì ứng đối khoan hòa, làm rạng uy linh quốc gia. Thật là bậc anh kỳ trong đời, tuấn kiệt giữa nhân gian. Lại còn gieo ruộng phúc, nuôi quả lành; nương bè tuệ mà sang bến từ bi. Thấy chùa đổ nát, ngói xiêu cột nghiêng, bèn không tiếc của riêng, bỏ công tu sửa. Khinh tài mà trọng người là tiết lớn của bậc trượng phu ông thật có đủ. Xem tấm lòng ấy thì như tấm lòng trời đất; xét lượng ấy thì như lượng sông biển. Có tâm lượng như vậy, ai mà không vui lòng kính mộ. Vì thế dân trong xã trên dưới kính đức trọng

hiền, cùng bảo nhau rằng: Công đã lâu dài như thế, đức đã bền vững như thế, sao không nghĩ cách báo đáp? Bèn tôn ông làm Hậu Phật, đời đời hương hỏa, mãi không quên. Lại tôn chính thất của ông là bà Lê Thị Đan làm Hậu Phật phối hưởng. Các bà hầu của ông là Bùi Thị Bay, Nguyễn Thị Phức, con trai Nguyễn Đức Bảng, con gái Nguyễn Thị Bện cũng tiếp nối hiến ruộng, ao và tiền cho bản xã để làm quỹ phụng tự. Hằng năm đến giỗ ngày dân xã biện đủ lễ nghi tế tại chùa để biểu dương công đức vô cùng, lưu danh mãi mãi.

Bèn khắc đá ghi công, để công đức ấy cùng trời đất bền lâu, cùng nhật nguyệt sáng tỏ, há chẳng tốt đẹp thay.

- Ao chùa một thửa 2 mẫu, tại xứ Cửa Đình.

- Ruộng chùa một thửa [] sào, tại xứ Đồng [].

- Ruộng chùa một thửa ba sào, tại xứ Đồng [], giao cho chùa để làm lễ xôi oản.

- […] thêm 30 quan sử tiền.

- Hậu Phật Chánh đội trưởng Duy Nghĩa hầu Nguyễn Quý công tự Phúc Minh thụy Cương Đoán giỗ ngày 18 tháng 6, lễ gồm một con gà, một mâm xôi, một vò rượu, tiền vàng một nghìn.

- Hậu Phật chính thất là Lê Thị Đan, ngày sau lễ một mâm xôi, một vò rượu.

Khắc bia vào ngày tốt đầu thu năm Kỷ Mão, niên hiệu Chính Hòa 20 (1699).

Từ Đông Xuân giám sinh Chu nột phu soạn văn. Bản tổng Thượng lão thôn đề lại Nguyễn Thế

Công viết chữ.

Bia tượng số 7

Kích thước: Cao: 88cm, Dày: 17cm, Rộng: 134cm

Mặt trước khắc bốn tượng Hậu là ông Vũ Đắc Tài, tự Phúc Đa và vợ là bà Nguyễn Thị Thỉnh hiệu Diệu Tín. Cạnh đó là tượng song thân của là Nguyễn công Phúc Thành, Mẹ Nguyễn Thị Từ Lãnh.

□□□□□□

□□□□□□□

Bia thờ Hậu Phật

Hiển khảo là ông họ Nguyễn tự Phúc Thành

Mặt sau, khắc minh văn chữ Hán.

後佛碑記弥勒寺　　嘗聞　：積善之家必有餘慶、古人有是訓矣。　　卷茲　：慈山府　　，東岸縣　　，雲穫社　　，武得財，字福

多，資稟寬柔，性朴實。德田邁種，惟懷善果

以為娛；仁揆深培，泛出慈航而自樂。配得令
娘阮氏請號妙信，行兼謹慎，德備容工。友友
瑟琴，宜家樂賡於詩雅；符符惠惠，筏提心弥
念於禅經。頗能重義輕財，容人接物，恤孤貧
而矜穷乏，敬耆老而撫嬰兒。自覆幬之中，孰　　不沐恩光而潤餘　　[波　]
者焉？况又心廣慈悲，口那　　嘹喨，泛泛瓊絲之樂樹，箋箋舍施頻興切。見
本寺門前播越，乃不吝私財，用功修葺。于是
本社上下等，慕公之心，敬公之量，共保公娘
為後佛。故公知厚意，欣然詐詣，乃以良田各
所，并其緡錢，敬于本社。而本社更相謂曰：

公之功德若茲，盛矣，至矣！五盍思報之。酌　　功報德者，乃里仁之所為也。當公娘燕樂之
[特　]，　　[此　]設立碑像，而壹座裝嚴。迨公娘蛻脱之後，
則奉事香火，而檀挪敬信。適遇忌晨，其本社
上下等，設禮儀而祭于寺堂，尤且尊及其親，
以表工娘之至孝。內家顯考阮公字福成；顯妣
阮氏號慈冷，各以其班為後佛，夙宵奉事，永
遠弗渝。係遞年忌晨，亦同儀節，以表深恩之
玉佩無忘，激奕世之珍藏不朽。因是徵又紀勤　　石刻銘，用垂永久。

銘曰　：

撮尔巷石　　婉在中痤　　巖巖屹屹　　茅茅青青

方圓可適　　体改全成　　人資用作　　福享長生

子孫蕃盛　　家宝康寧　　芳名梅譽　　刻石為銘

計 一使錢壹百肆拾貫

一田貳所共五高壹所在　　?堤處壹所在　　?埕處　　壹所在　　??處貳高以為米　　?

一忌晨阮公字福成肆月貳拾三日雞壹隻炊壹　　盤酒壹圩金銀壹百鎰

一忌晨陶氏号慈冷拾月拾肆日炊壹盤果一枝　　酒壹

一圩金銀壹百鎰　　一忌後佛阮貴公字福多妣阮氏號妙信有　　[依　]錢

六十貫并田壹畝五所在　　??處

Văn bia tượng hậu chùa Di Lặc xã Đông Anh, Hà Nội
https://phathoc.vn/van-bia-tuong-hau-chua-di-lac-xa-dong-anh-ha-noi.html

一忌阮貴公字福多五月十五日猪一口炊一盤　　并芙蓉酒

一忌阮氏号妙信二月二十二日猪一口炊一盤　　并芙蓉酒

皇朝正和萬萬年之貳拾歲次己卯孟秋穀日　　慈東春朱訥夫撰

[.] 米 ?田在　??處。

Tạm dịch:

Bia ghi Hậu Phật chùa Di Lặc

Thường nghe: Nhà tích điều thiện tất có phúc dư, người xưa đã dạy như vậy. Nay xã Vân Hoạch, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn có ông Vũ Đắc Tài, tự Phúc Đa, tư chất khoan hòa, tính tình thuần hậu chất phác. Ông gieo trồng ruộng đức, luôn lấy việc tạo quả lành làm niềm vui; bồi đắp khuôn nhân, như con thuyền từ bi đưa người qua bể khổ mà tự thấy vui. Vợ là bà Nguyễn Thị Thỉnh hiệu Diệu Tín, đức hạnh cẩn trọng, dung hạnh vẹn toàn. Vợ chồng hòa thuận như đàn cầm sắt, tâm luôn nghĩ đến bến giác trong kinh thiền. Hai người trọng nghĩa khinh tài, đối đãi với mọi người khoan hậu; thương kẻ cô nghèo, giúp người túng thiếu, kính người già, yêu trẻ nhỏ. Ở dưới sự bao dung của họ, ai mà không được hưởng ân huệ lan tỏa. Lại thêm lòng từ bi rộng lớn, lời nói minh bạch; việc bố thí làm lành thường xuyên được khơi lên. Thấy chùa này từng bị hư hại, ông bà không tiếc của riêng, bỏ tiền sửa sang. Vì thế trên dưới trong xã đều mến tấm lòng và kính độ lượng của ông bà, cùng tôn ông bà làm Hậu Phật. Ông bà hiểu tấm lòng ấy nên vui vẻ nhận lời, lại hiến thêm ruộng tốt và tiền cho xã. Dân xã nói rằng: Công đức của ông bà lớn lao như vậy, ắt phải nghĩ cách báo đáp. Vì thế khi ông bà còn sống liền dựng bia tượng trang nghiêm; đến khi ông bà qua đời thì sẽ phụng thờ hương hỏa. Mỗi dịp kỵ nhật, dân xã đều làm lễ cúng tại chùa. Lại tôn thờ cả cha mẹ của ông bà để biểu dương lòng hiếu thảo của ông bà: Cha Nguyễn công Phúc Thành, Mẹ Nguyễn Thị Từ Lãnh, cũng được tôn làm Hậu Phật. Việc phụng sự sớm tối đời đời không đổi. Hằng năm đến giỗ ngày cũng làm lễ như vậy, để ghi nhớ ân sâu không quên, làm của quý truyền đời. Vì thế bèn khắc bia đá để lưu truyền lâu dài.

Bài minh:

Đá nhỏ đầu ngõ, vững giữa đường kính.

Sừng sững vững vàng, bao phủ cỏ xanh.

Tròn vuông đều hợp, hình thể hoàn thành.

Người ta được hưởng, phúc được trường sinh.

Con cháu phồn thịnh, gia đình yên lành.

Tiếng thơm lưu mãi, khắc đá làm minh.

Kê :

Cúng tiến 140 quan tiền. Ruộng 2 thửa tổng 5 sào.

Quy định lễ vật các giỗ ngày của cha mẹ bà

Diệu Tín ông Phúc Đa, gồm lợn, xôi, trầu rượu, vàng mã.

Bia lập vào năm Kỷ Mão niên hiệu Chính Hòa (1699).

Chu Nột Phu người Từ Đông Xuân (9) soạn.

3. Giá trị nội dung

Hệ thống bia tượng Hậu tại chùa Di Lặc không chỉ có giá trị về mặt văn bản và tạo hình mà còn chứa đựng nhiều thông tin quan trọng về lịch sử, văn hóa, xã hội và đời sống tín ngưỡng của cộng đồng cư dân địa phương vào cuối thế kỷ XVII. Qua nội dung các văn bia, có thể nhận diện tương đối rõ cơ chế hình thành tục thờ Hậu Phật, mối quan hệ giữa người cung tiến, cộng đồng làng xã và nhà chùa, đồng thời cho thấy những chuẩn mực đạo đức, quan niệm về công đức và cách thức duy trì sinh hoạt thờ phụng trong xã hội truyền thống.

Trước hết, các bia tượng Hậu phản ánh rõ giá trị đạo đức và tư tưởng báo ân trong đời sống làng xã. Những người được tôn làm Hậu Phật thường là những cá nhân có đóng góp đáng kể cho chùa và cộng đồng, thông qua việc cung tiến tiền bạc, ruộng đất, tu sửa Phật đường hoặc hỗ trợ các hoạt động Phật sự. Chẳng hạn, bia năm Chính Hòa 20 (1699) ghi việc Đỗ công Nghiêm, tự Phúc Cảnh, cùng vợ đã xuất tiền tu sửa Phật đường và cúng ruộng cho chùa; từ đó được cộng đồng tôn làm Hậu Phật và quy định việc phụng thờ hương hỏa. Nội dung bia nhấn mạnh quan niệm “lấy đức để báo đức”, qua đó cho thấy việc thờ Hậu không đơn thuần là một nghi thức tôn giáo mà còn là phương thức cộng đồng ghi nhận, tôn vinh và truyền lại những giá trị đạo đức tốt đẹp.

Thứ hai, hệ thống bia cung cấp những tư liệu có giá trị về đời sống kinh tế và phương thức tổ chức nguồn lực của chùa. Các văn bia ghi khá cụ thể những khoản tiền, ruộng, ao, vật liệu xây dựng và lễ vật được cung tiến. Có trường hợp người được làm Hậu Phật cung cấp hàng chục, hàng trăm quan tiền, ruộng đất hoặc các khoản dùng cho việc tu sửa chùa; đồng thời xác định rõ hoa lợi từ ruộng đất được sử dụng vào việc chuẩn bị lễ vật trong ngày giỗ. Những ghi chép

này cho thấy hoạt động tín ngưỡng gắn bó chặt chẽ với nguồn lực kinh tế của cộng đồng, đồng thời phản ánh một cơ chế tương đối ổn định nhằm duy trì hương hỏa, lễ nghi và hoạt động của ngôi chùa.

Thứ ba, bia tượng Hậu chùa Di Lặc có giá trị trong việc nhận diện cấu trúc xã hội và quan hệ cộng đồng của làng xã truyền thống. Các văn bia không chỉ ghi tên người được làm Hậu Phật mà còn cho biết chức tước, địa vị xã hội, quan hệ gia đình và sự tham gia của các chức sắc, trưởng thôn cùng đông đảo thành viên trong cộng đồng. Việc một cá nhân được tôn làm Hậu Phật được thực hiện trên cơ sở sự đồng thuận của cộng đồng, sau đó được xác lập bằng văn bản và nghi thức phụng thờ. Đặc biệt, có những trường hợp vợ, chồng, cha mẹ và các thành viên trong gia đình cùng được thờ Hậu, cho thấy tục thờ Hậu còn gắn với việc đề cao đạo hiếu và truyền thống gia đình.

Thứ tư, nội dung các văn bia phản ánh sâu sắc quan niệm Phật giáo về công đức, nhân quả và bố thí. Các hình ảnh, thuật ngữ như “gieo ruộng phúc”, “tích thiện”, “tạo quả lành”, “bến từ bi”, “Bồ đề nguyện” được sử dụng để lý giải động cơ cung tiến và công đức của người được thờ Hậu. Đáng chú ý, những giá trị Phật giáo này được kết hợp với các chuẩn mực đạo đức phổ biến của xã hội truyền thống như trọng nghĩa, khinh tài, thương người nghèo khó, kính già, yêu trẻ và hiếu kính với cha mẹ. Qua đó cho thấy Phật giáo đã được cộng đồng tiếp nhận không chỉ như một hệ thống giáo lý mà còn như một nguồn lực đạo đức, góp phần định hướng hành vi xã hội và củng cố sự cố kết cộng đồng.

4. Kết luận

Hệ thống bia tượng Hậu chùa Di Lặc còn thể hiện giá trị lưu giữ ký ức cộng đồng và bảo tồn di sản văn hóa. Việc khắc tên, công trạng, tài sản cung tiến, giỗ ngày và quy định lễ nghi trên đá đã biến những ký ức về cá nhân và gia đình thành một phần của ký ức chung của làng xã.

Hệ thống bia tượng Hậu tại chùa Di Lặc là nguồn tư liệu Hán Nôm có giá trị, phản ánh khá sinh động đời sống Phật giáo, văn hóa và xã hội làng xã Việt Nam cuối thế kỷ XVII. Nội dung các văn bia cho thấy tục thờ Hậu Phật được hình thành trên cơ sở sự đóng góp của cá nhân, gia đình đối với nhà chùa và cộng đồng, đồng thời thể hiện rõ truyền thống tri ân, báo ân và quan niệm “lấy đức báo đức”. Các khoản tiền, ruộng đất, ao và lễ vật được ghi chép trên bia còn cung cấp những thông tin quan trọng về nguồn lực kinh tế và phương thức duy trì hoạt động phụng tự của chùa. Bên cạnh đó, bia tượng Hậu phản ánh cấu trúc gia đình, quan hệ cộng đồng và sự kết hợp giữa tư tưởng Phật giáo với các chuẩn mực đạo đức truyền thống như trọng nghĩa, từ bi, bố thí và hiếu kính.

Sự kết hợp giữa tượng và văn bia vừa có giá trị lịch sử, văn bản, tạo hình, vừa góp phần lưu giữ ký ức cộng đồng. Vì vậy, hệ thống bia tượng Hậu chùa Di Lặc cần được tiếp tục nghiên cứu, phiên dịch, số hóa và bảo tồn như một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa địa phương.

Tác giả: **Thích Thanh Phương -** *Trụ trì Chùa Di Lặc*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Chú thích:

(1) Trần Trọng Dương (2023), "Nghiên cứu về bia bài vị và bia tạo tượng: trường hợp các bia Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII", Tạp chí Hán Nôm số 2 (177), tr.84-99.

(2) Bùi Quốc Linh (2025), Hoạt động kinh tế và tâm linh khảo cứu từ văn bia Hậu tỉnh Thái Bình, Nxb Khoa học Xã hội.

(3) Nguyễn Phạm Bằng (2023), Nghiên cứu văn bia tượng Hậu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Luận văn Thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, tr52.

(4) Trần Trọng Dương (sđd)

(5) Philippe Papin, Sinh thể văn bia: Khảo cứu lịch sử về cung tiến và bầu Hậu ở Việt Nam từ khởi nguyên đến cuối thế kỷ XVII

(6) Tấm bia này bị vỡ mât 1/3 bia

(7) thiếu mất 1 vế đối do bia bị vỡ

(8) "Từ Đông" theo kiểu xưng hô thời xưa có thể là ghép từ tên làng quê của ông Giám sinh này là Từ (Liêm) và Đông (Ngạc), còn chữ Xuân là chỉ xã Xuân Canh .

(9) Từ Đông Xuân là nói tắt Từ Sơn phủ-Đông Ngàn huyện-Xuân Canh xã.

Tài liệu tham khảo:

1] Trần Trọng Dương (2023), "Nghiên cứu về bia bài vị và bia tạo tượng: trường hợp các bia Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVII", Tạp chí Hán Nôm 2 (177), tr.84-99.

2] Bùi Quốc Linh (2025), Hoạt động kinh tế và tâm linh khảo cứu từ văn bia Hậu tỉnh Thái Bình, Nxb Khoa học Xã hội.

3] Nguyễn Phạm Bằng (2023), Nghiên cứu văn bia tượng Hậu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Luận văn Thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, tr52.

4] Philippe Papin (2025), Sinh thể văn bia: Khảo cứu lịch sử về cung tiến và bầu Hậu ở Việt Nam từ khởi nguyên đến cuối thế kỷ XVII, Nxb Khoa học Xã hội, HN.

5] Văn bia còn lưu giữ tại chùa (tài liệu điền dã)